BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TIN TUẦN

"Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp"

(ngày lấy mẫu 24-25/05/2021)

I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần từ ngày 25 đến ngày 31/05/2021

1. Vị trí giám sát

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
1	Cống Như Trác	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.
2	Cống Hữu Bị	Sông Hồng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.
3	Cống Cốc Thành	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.
4	Cống sông Chanh	Sông Đào	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.
5	Cống Nhâm Tràng	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.
6	Cống Kinh Thanh	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm
7	Cống Cổ Đam	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên
8	Cống Vĩnh Trị	Sông Đáy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản
9	Đầu kênh T3	Kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.
12	Đập An Bài (sông Châu	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.

TT	Tên vị trí giám sát	Nguồn/Sông	Lý do xác định vị trí giám sát
	Giang)		
13	TB triệu Xá (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.
14	Đập La Chợ	Sông Châu Giang	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.
15	Đập Biên Hòa	Kênh Biên Hòa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.
16	Đập Vùa (CG12)	Kênh Vùa	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Sông Châu Giang	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kênh Kinh Thủy	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm
19	Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)	Kênh C19	Kiểm tra chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện
20	Đầu kênh T6	Kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước kênh T6 trước khi đổ vào sông Tiên Hương

BẢN ĐỒ GIÁM SÁT CLN HỆ THỐNG CTTL BẮC NAM HÀ NĂM 2021

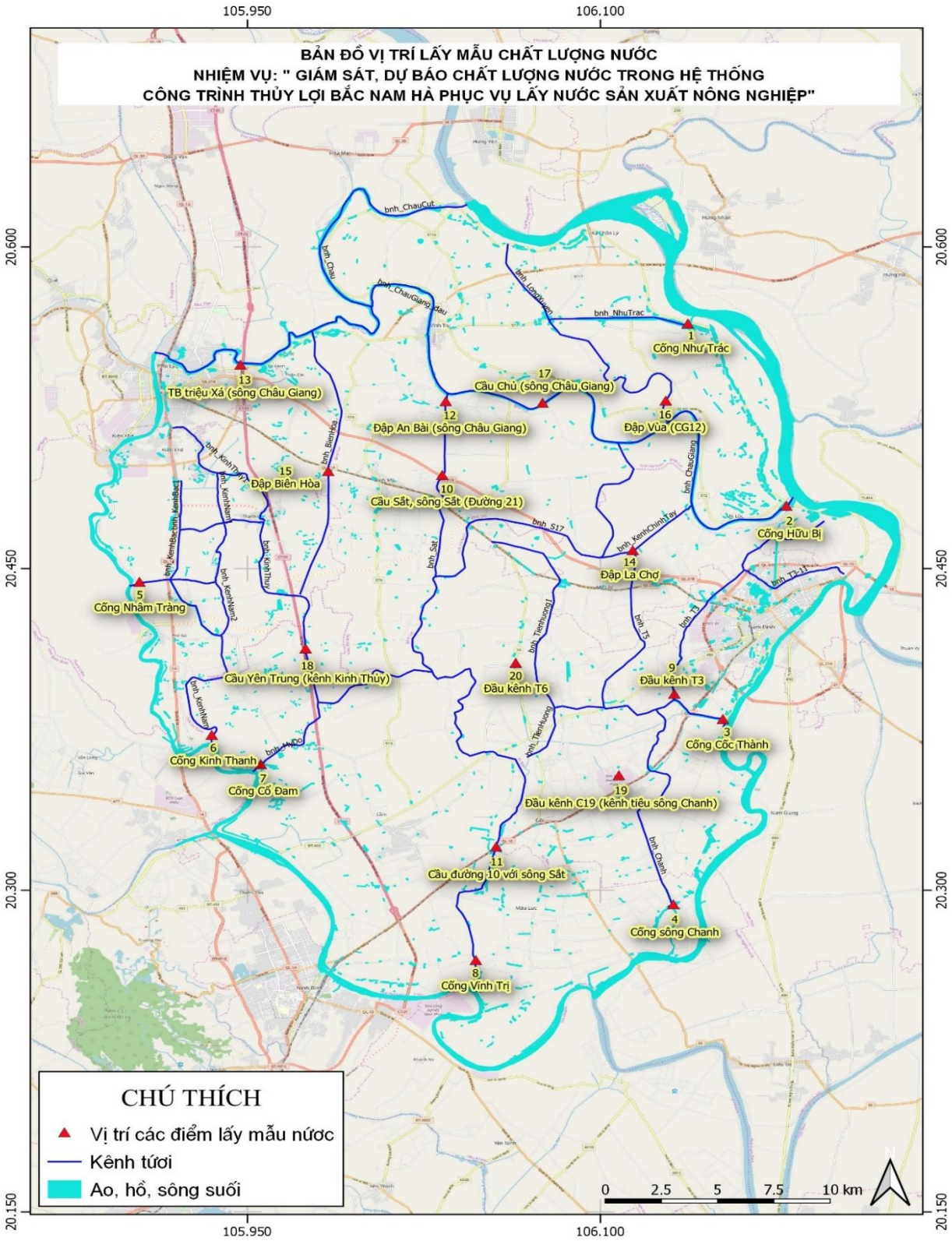

2. Thông tin lúc giám sát

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin hiện trường.

3. Kết quả đo đạc

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Đang trong quá trình khảo sát, thực địa nên chưa có đầy đủ thông tin đo đạc.

II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 25/05/2021 đến ngày 31/05/2021

1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 6-37mm.

Lượng mưa TB hiện tại tại Phủ Lý có xu thế giảm so với TBNN cùng thời kỳ, tại Nam Định có xu thế tăng.

Bảng 23: LƯỢNG MƯA TẠI MỘT SỐ TRẠM TRONG VÙNG

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo từ 25/05 đến 31/05/2021
						TBNN	2020	2019	
1	Nam Định	Nam Định	Đào	68,0	1649	+3	+30	-3	9,5
2	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	39,0	1632	-9	-10	-27	17,5

Bảng 24: NGUỒN NƯỚC TẠI CỐNG, TRẠM BƠM

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Mực nước dự báo tuần tới: (m)			Ghi chú
				Dự báo MNTB so với TK (+/-: m)	Khả năng cấp nước của công trình	Diện tích bảo đảm tưới (ha)	
1	TB. Như Trác	1,1	7512	0,9	100,0	7512	Giảm
2	TB. Hữu Bị	0,8	7501	0,8	100,0	7501	Giảm
3	TB. Cốc Thành	0,8	8536	0,7	100,0	8536	Giảm
4	TB. Cổ Đam	0,8	9651	0,7	100,0	9651	Giảm
5	TB. Nhâm Tràng	0,9	4415	0,7	100,0	4415	Giảm
6	TB. Vĩnh Trị	0,8		0,6			Giảm

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

DO									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo							
		25/05	26/05	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05	
Cống Như Trác		5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	≥ 4
Cống Hữu Bị		6,776	6,774	6,772	6,769	6,767	6,764	6,761	≥ 4
Cống Cốc Thành		4,947	4,923	4,904	4,888	4,874	4,863	4,854	≥ 4
Cống sông Chanh		3,622	3,616	3,613	3,611	3,609	3,607	3,606	≥ 4
Cống Nhâm Tràng		5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	≥ 4
Cống Kinh Thanh		5,737	5,750	5,759	5,761	5,757	5,748	5,737	≥ 4
Cống Cổ Đam		5,914	5,867	5,817	5,775	5,742	5,714	5,691	≥ 4
Cống Vĩnh Trị		4,946	4,954	4,961	4,968	4,976	4,983	4,989	≥ 4
Đầu kênh T3		5,925	5,806	5,712	5,635	5,572	5,518	5,472	≥ 4
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		6,091	6,104	6,108	6,105	6,099	6,090	6,081	≥ 4
Cầu đường 10 với sông Sắt		5,037	5,044	5,051	5,057	5,062	5,066	5,070	≥ 4
Đập An Bài (sông Châu Giang)		6,434	6,422	6,409	6,396	6,383	6,369	6,356	≥ 4
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập La Chợ		6,664	6,657	6,649	6,640	6,631	6,622	6,612	≥ 4
Đập Biên Hòa		5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	5,020	≥ 4
Đập Vùa (CG12)		6,806	6,802	6,797	6,791	6,785	6,778	6,772	≥ 4
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		6,601	6,588	6,573	6,559	6,544	6,530	6,516	≥ 4
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		5,484	5,497	5,531	5,556	5,571	5,580	5,585	≥ 4
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		5,227	5,142	5,049	4,965	4,893	4,832	4,780	≥ 4
Đầu kênh T6		5,215	5,165	5,124	5,091	5,063	5,040	5,020	≥ 4

NO_3^-									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		25/05	**26/05**	**27/05**	**28/05**	**29/05**	**30/05**	**31/05**	
Cống Như Trác		1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	**≤ 10**
Cống Hữu Bị		1,080	1,088	1,097	1,105	1,115	1,124	1,134	**≤ 10**
Cống Cốc Thành		1,682	1,686	1,689	1,696	1,705	1,715	1,725	**≤ 10**
Cống sông Chanh		11,170	11,199	11,217	11,229	11,238	11,244	11,249	**≤ 10**
Cống Nhâm Tràng		1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	**≤ 10**
Cống Kinh Thanh		3,783	3,764	3,769	3,818	3,919	4,074	4,278	**≤ 10**
Cống Cổ Đam		3,671	3,960	4,348	4,790	5,259	5,733	6,202	**≤ 10**
Cống Vĩnh Trị		3,711	3,720	3,730	3,740	3,750	3,761	3,772	**≤ 10**
Đầu kênh T3		3,022	3,025	3,049	3,089	3,137	3,186	3,233	**≤ 10**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		2,510	2,505	2,516	2,535	2,558	2,584	2,611	**≤ 10**
Cầu đường 10 với sông Sắt		3,652	3,664	3,677	3,690	3,703	3,716	3,729	**≤ 10**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		1,913	1,944	1,977	2,012	2,047	2,082	2,117	**≤ 10**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	1,270	**≤ 10**
Đập La Chợ		1,505	1,534	1,559	1,583	1,606	1,630	1,654	**≤ 10**
Đập Biên Hòa		0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	0,799	**≤ 10**
Đập Vùa (CG12)		0,973	0,986	1,002	1,019	1,037	1,056	1,074	**≤ 10**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		1,549	1,581	1,616	1,652	1,689	1,725	1,761	**≤ 10**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		6,945	7,882	8,597	9,151	9,596	9,968	10,289	**≤ 10**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		5,402	5,670	5,956	6,206	6,411	6,576	6,708	**≤ 10**
Đầu kênh T6		2,036	2,042	2,049	2,064	2,083	2,103	2,123	**≤ 10**

BOD$_5$									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		25/05	**26/05**	**27/05**	**28/05**	**29/05**	**30/05**	**31/05**	
Cống Như Trác		7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	**≤ 15**
Cống Hữu Bị		5,999	6,039	6,081	6,125	6,171	6,219	6,269	**≤ 15**
Cống Cốc Thành		17,299	17,387	17,483	17,574	17,657	17,733	17,800	**≤ 15**
Cống sông Chanh		24,172	24,251	24,303	24,340	24,369	24,390	24,407	**≤ 15**
Cống Nhâm Tràng		7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	7,500	**≤ 15**
Cống Kinh Thanh		13,463	13,395	13,348	13,334	13,355	13,411	13,499	**≤ 15**
Cống Cổ Đam		12,563	12,797	13,059	13,343	13,638	13,935	14,229	**≤ 15**
Cống Vĩnh Trị		17,488	17,507	17,525	17,544	17,564	17,585	17,607	**≤ 15**
Đầu kênh T3		12,829	13,334	13,826	14,282	14,695	15,066	15,397	**≤ 15**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		11,705	11,687	11,732	11,812	11,912	12,024	12,145	**≤ 15**
Cầu đường 10 với sông Sắt		17,109	17,129	17,153	17,182	17,214	17,250	17,288	**≤ 15**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		9,560	9,686	9,819	9,957	10,098	10,241	10,385	**≤ 15**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	**≤ 15**
Đập La Chợ		7,517	7,619	7,722	7,826	7,933	8,041	8,152	**≤ 15**
Đập Biên Hòa		12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	**≤ 15**
Đập Vùa (CG12)		5,581	5,646	5,723	5,806	5,893	5,980	6,066	**≤ 15**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		8,058	8,191	8,341	8,496	8,652	8,805	8,955	**≤ 15**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		13,947	14,465	14,918	15,280	15,572	15,814	16,023	**≤ 15**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		12,747	14,014	15,188	16,184	17,005	17,676	18,225	**≤ 15**
Đầu kênh T6		16,101	16,289	16,490	16,680	16,854	17,011	17,151	**≤ 15**

NH_4^+									B1-QCVN 08-2015
Vị trí	**Thực đo**	**Tuần dự báo**							
		25/05	**26/05**	**27/05**	**28/05**	**29/05**	**30/05**	**31/05**	
Cống Như Trác		0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	≤ **0,9**
Cống Hữu Bị		0,330	0,334	0,338	0,342	0,346	0,351	0,356	≤ **0,9**
Cống Cốc Thành		1,019	1,027	1,035	1,042	1,048	1,054	1,059	≤ **0,9**
Cống sông Chanh		1,598	1,604	1,607	1,610	1,612	1,613	1,615	≤ **0,9**
Cống Nhâm Tràng		0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	0,200	≤ **0,9**
Cống Kinh Thanh		1,017	1,012	1,010	1,009	1,010	1,012	1,016	≤ **0,9**
Cống Cổ Đam		0,932	0,951	0,967	0,982	0,996	1,008	1,019	≤ **0,9**
Cống Vĩnh Trị		1,319	1,322	1,326	1,329	1,333	1,337	1,341	≤ **0,9**
Đầu kênh T3		0,776	0,818	0,857	0,892	0,923	0,952	0,977	≤ **0,9**
Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)		0,850	0,849	0,853	0,861	0,870	0,881	0,892	≤ **0,9**
Cầu đường 10 với sông Sắt		1,292	1,295	1,299	1,304	1,309	1,313	1,319	≤ **0,9**
Đập An Bài (sông Châu Giang)		0,644	0,656	0,669	0,682	0,695	0,709	0,723	≤ **0,9**
TB triệu Xá (sông Châu Giang)		0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	0,140	≤ **0,9**
Đập La Chợ		0,478	0,488	0,497	0,507	0,517	0,527	0,537	≤ **0,9**
Đập Biên Hòa		0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	0,760	≤ **0,9**
Đập Vùa (CG12)		0,297	0,303	0,311	0,319	0,327	0,335	0,343	≤ **0,9**
Cầu Chủ (sông Châu Giang)		0,509	0,522	0,536	0,550	0,565	0,579	0,593	≤ **0,9**
Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)		1,001	1,003	1,004	1,007	1,010	1,014	1,018	≤ **0,9**
Đầu kênh C19 (kênh tiêu sông Chanh)		0,820	0,909	0,992	1,063	1,122	1,170	1,209	≤ **0,9**
Đầu kênh T6		0,953	0,970	0,986	1,000	1,014	1,026	1,036	≤ **0,9**

Kết quả dự báo DO trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Sông Chanh.

Kết quả dự báo NO_3^- trong tuần đều có giá trị thỏa mãn giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trừ vị trí Cống Sông Chanh.

Các vị trí có hàm lượng BOD_5 trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT như Cống Cốc Thành, Sông Chanh, Vĩnh Trị, Cầu đường 10, TB Triệu Xá, Cầu Yên Trung, Đầu Kênh C19, Đầu Kênh T6.

Các vị trí có hàm lượng NH_4^+ trong kỳ dự báo vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT là Cống Cốc Thành, Sông Chanh, Kinh Thanh, Cổ Đam, Vĩnh Trị, Cầu đường 10, Cầu Yên Trung, Đầu Kênh C19, Đầu Kênh T6.

III. Các đề xuất, kiến nghị

1. Nhận xét

Số liệu dự báo cũng cho thấy các điểm vượt giới hạn B1 của QCVN 08-MT/2015/BTNMT trong 7 ngày dự báo tương tự so với tuần 20.

2. Đề xuất

Đề nghị Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà tiếp tục tận dụng triều để trao đổi nước sông và trong hệ thống, tăng cường vận hành các cống để đưa nước vào hệ thống.

3. Dự báo chung

Với dự báo lượng mưa và mực nước như dự báo ở trên thì mức độ ô nhiễm chất lượng nước trong HTCTTL Bắc Nam Hà sẽ tăng. Hàm lượng các thông số như BOD_5, NH_4^+, NO_3^- sẽ có xu hướng tăng, hàm lượng Oxy hòa tan trong nước sẽ có xu hướng giảm./.

Nơi nhận: **VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Thủy lợi Bắc Nam Hà;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.